

# **Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



# Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 39

030  
CÔ  
CÔ  
DƯỢC  
C  
1/6-T

# Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC ("Công ty") tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam – Bộ Y tế. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102652 được Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993.

Vào ngày 8 tháng 2 năm 2002, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 138/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp. Theo đó, Công ty đã được cấp GCNĐKKD số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302560110 điều chỉnh lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 6 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán OPC được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con là sản xuất dược phẩm, hóa chất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có chín (9) chi nhánh và một (1) nhà máy đang hoạt động toạ lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Lê Sơn	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Bà Phương Thanh Nhung	Phó Chủ tịch	
Ông Trịnh Xuân Vương	Thành viên	
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên	
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Hải Dương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023

### ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán và Quản trị Rủi ro trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Hải Dương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Kiều Thị Minh Hồng	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên	
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023

# Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Xuân Hương	Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Thúy Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hà Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Dương Minh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2023

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này này là Ông Hoàng Lê Sơn và Bà Phạm Thị Xuân Hương.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.





# Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Thị Xuân Hương  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 12117826/66926182-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 21 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Phạm Thị Cẩm Tú  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán  
Số: 2266-2023-004-1



Phạm Ninh Tùng  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán  
Số: 5631-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>927.670.577.951</b>	<b>911.257.655.505</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>294.273.724.378</b>	<b>86.590.753.862</b>
111	1. Tiền		272.310.756.953	53.067.740.163
112	2. Các khoản tương đương tiền		21.962.967.425	33.523.013.699
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>26.838.731.723</b>	<b>228.567.976.067</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	68.954.572	159.268.954.572
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	26.769.777.151	69.299.021.495
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>235.448.115.073</b>	<b>172.336.453.588</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	251.408.690.515	193.017.824.919
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	15.211.092.997	7.522.458.886
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.202.520.493	6.382.152.203
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7	(36.374.188.932)	(34.585.982.420)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>358.589.998.884</b>	<b>410.550.704.458</b>
141	1. Hàng tồn kho		375.041.540.855	419.111.057.782
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(16.451.541.971)	(8.560.353.324)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>12.520.007.893</b>	<b>13.211.767.530</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1.028.915.583	555.446.126
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		11.448.431.020	12.374.390.677
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		42.661.290	281.930.727
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>333.150.586.758</b>	<b>334.967.081.307</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>3.788.660.200</b>	<b>3.788.660.200</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	3.788.660.200	4.038.660.200
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	7, 8	-	(250.000.000)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>223.362.130.169</b>	<b>234.535.752.640</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	149.434.284.924	159.504.674.730
222	Nguyên giá		557.795.952.265	545.934.525.756
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(408.361.667.341)	(386.429.851.026)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	73.927.845.245	75.031.077.910
228	Nguyên giá		83.921.172.931	83.921.172.931
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(9.993.327.686)	(8.890.095.021)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>21.638.614.599</b>	<b>17.078.573.366</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	21.638.614.599	17.078.573.366
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>24.385.291.803</b>	<b>24.203.308.291</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		12.700.291.803	12.518.308.291
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.685.000.000	11.685.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>59.975.889.987</b>	<b>55.360.786.810</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	50.452.493.994	52.205.334.244
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	9.523.395.993	3.155.452.566
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.260.821.164.709</b>	<b>1.246.224.736.812</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>376.657.460.640</b>	<b>374.260.457.563</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>371.746.751.691</b>	<b>368.835.959.870</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	43.669.974.224	51.684.518.178
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	221.681.322.476	209.753.055.638
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	20.900.202.020	14.442.934.282
314	4. Phải trả người lao động	17	54.237.325.061	70.980.447.017
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	21.542.330.097	12.023.188.838
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		3.262.400.158	28.450.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	3.126.635.355	1.862.449.898
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	3.326.562.300	8.060.916.019
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>4.910.708.949</b>	<b>5.424.497.693</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		60.000.000	60.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	21	4.742.192.250	5.115.717.958
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		108.516.699	248.779.735
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>884.163.704.069</b>	<b>871.964.279.249</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22.1</b>	<b>884.163.704.069</b>	<b>871.964.279.249</b>
411	1. Vốn cổ phần		640.508.920.000	640.508.920.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		640.508.920.000	640.508.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		880.700.783	880.700.783
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		47.610.586.749	26.595.251.749
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		132.947.308.923	141.847.954.174
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		10.713.234.702	663.247.674
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		122.234.074.221	141.184.706.500
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22.1	62.216.187.614	62.131.452.543
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.260.821.164.709</b>	<b>1.246.224.736.812</b>

Vũ Thị Tuyết Dung  
Người lập

Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Xuân Hương  
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.008.957.297.999	1.194.003.443.459
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	4.070.318.968	22.389.335.611
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.004.886.979.031	1.171.614.107.848
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	577.798.299.432	686.763.326.661
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		427.088.679.599	484.850.781.187
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	16.582.389.848	8.256.861.618
22	7. Chi phí tài chính	25	7.478.405.313	8.122.216.122
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		334.548.651	925.196.934
24	8. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	14.1	838.452.955	797.735.998
25	9. Chi phí bán hàng	26	180.931.525.210	208.686.417.627
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	100.036.807.156	97.528.654.545
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		156.062.784.723	179.568.090.509
31	12. Thu nhập khác		722.555.575	840.923.041
32	13. Chi phí khác		1.462.067.845	485.060.138
40	14. (Lỗ) lợi nhuận khác		(739.512.270)	355.862.903
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		155.323.272.453	179.923.953.412
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	39.372.406.588	37.380.020.184
52	17. (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.3	(6.367.943.427)	149.782.089
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		122.318.809.292	142.394.151.139
61	19. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ		122.234.074.221	142.127.926.500
62	20. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát		84.735.071	266.224.639
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.4	1.634	2.000
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.4	1.634	2.000

  
Vũ Thị Tuyết Dung  
Người lập

  
Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng



  
Phạm Thị Xuân Hương  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2024



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>155.323.272.453</b>	<b>179.923.953.412</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		22.894.785.944	22.818.667.371
03	Các khoản dự phòng		9.579.991.451	5.670.326.963
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(8.980.785)	(157.428.958)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(16.692.396.171)	(8.793.723.841)
06	Chi phí lãi vay	25	334.548.651	925.196.934
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>171.431.221.543</b>	<b>200.386.991.881</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(65.383.428.742)	(38.501.799.214)
10	Giảm hàng tồn kho		44.069.516.927	107.394.546.633
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		1.878.010.914	(11.596.637.665)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(797.677.470)	1.597.035.898
13	Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh		159.200.000.000	(159.200.000.000)
14	Tiền lãi vay đã trả		(334.548.651)	(1.412.958.326)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(35.981.722.484)	(37.621.563.148)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(18.722.424.697)	(24.957.804.590)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>255.358.947.340</b>	<b>36.087.811.469</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(12.042.424.879)	(7.399.444.689)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		-	182.593.000
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn		(68.670.755.656)	(186.829.557.511)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		111.200.000.000	136.000.000.000
27	Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận đã nhận		17.655.003.926	6.904.539.667
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>48.141.823.391</b>	<b>(51.141.869.533)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		36.469.816.650	17.053.199.440
34	Tiền trả nợ gốc vay		(36.469.816.650)	(88.389.927.276)
36	Cổ tức đã trả	22.2	(95.826.781.000)	(26.582.090.305)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(95.826.781.000)</b>	<b>(97.918.818.141)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		207.673.989.731	(112.972.876.205)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		86.590.753.862	199.563.596.790
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		8,980,785	33.277
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	294.273.724.378	86.590.753.862



Vũ Thị Tuyết Dung  
Người lập



Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng




Phạm Thị Xuân Hương  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2024



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (“Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam – Bộ Y tế. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102652 được Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993.

Vào ngày 8 tháng 2 năm 2002, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 138/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp. Theo đó, Công ty đã được cấp GCNĐKKD số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302560110 điều chỉnh lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 6 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán là OPC được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là sản xuất dược phẩm, hóa chất; kinh doanh, cung cấp dịch vụ và bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên chi nhánh, đơn vị trực thuộc</i>
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Nghệ An
3	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Đà Nẵng
4	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Nha Trang
5	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Cần Thơ
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Cửa hàng Giới thiệu và Kinh doanh Dược phẩm
7	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC - Chi nhánh Bình Dương – Nhà máy Dược phẩm OPC
8	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
9	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Tiền Giang
10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Miền Đông

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 926 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 957 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có hai (2) công ty con với chi tiết như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn nắm giữ và tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
			<i>%</i>	<i>%</i>
(1) Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 (“TW25”)	Thành phố Hồ Chí Minh	Dược phẩm, bất động sản	58,14	58,14
(2) Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương (“OPC BD”)	Tỉnh Bình Dương	Dược phẩm	100,00	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  
công cụ, dụng cụ

Thành phẩm và chi phí sản xuất, - giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm áp dụng theo  
kinh doanh dở dang phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### *Hàng hóa bất động sản*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó, cụ thể như sau:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường có tính đến chiết khấu giá trị thời gian của dòng tiền nếu đáng kể tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp tính theo giá đích danh.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích khấu hao.

**3.6 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

**Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	3 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
Phần mềm máy tính	2 – 5 năm
Khác	3 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	Thời gian sử dụng
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không trích khấu hao

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê cơ sở hạ tầng*

Tiền thuê cơ sở hạ tầng trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của chi phí thuê cơ sở hạ tầng trả trước theo Hợp đồng Thuê đất ký với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc vào ngày 18 tháng 12 năm 2018 trong thời hạn 36 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.11 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

560  
 IG T  
 PHÂN  
 PHÂN  
 PC  
 HỒ CỨ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Lãi hoặc lỗ từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với các công ty liên kết được loại trừ theo tỷ lệ lợi ích của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Nhóm Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo Điều lệ Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức không có khả năng bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

**3.18 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.19 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa chất và bất động sản. Tuy nhiên, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của hoạt động bất động sản chiếm không trọng yếu trong tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là ngành nghề dược phẩm và khu vực địa lý là Việt Nam, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

**3.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

BỘ TƯ LẬP  
 VIỆC  
 CÔNG  
 ĐƯỢC  
 C  
 030  
 CÔNG  
 CÔNG  
 ĐƯỢC  
 C  
 16-T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.339.773.889	2.976.090.232
Tiền gửi ngân hàng	269.970.983.064	50.091.649.931
Các khoản tương đương tiền (*)	21.962.967.425	33.523.013.699
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>294.273.724.378</u></b>	<b><u>86.590.753.862</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 4,5%/năm đến 7%/năm.

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**5.1 Chứng khoán kinh doanh**

	VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	68.954.572	68.954.572	-	68.954.572	68.954.572	-
Trái phiếu	-	-	-	159.200.000.000	159.200.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>68.954.572</u></b>	<b><u>68.954.572</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>159.268.954.572</u></b>	<b><u>159.268.954.572</u></b>	<b><u>-</u></b>

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn trên ba (3) tháng và dưới mười hai (12) tháng và được hưởng lãi suất tiền gửi từ 4,7% đến 10,5%/ năm.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng	251.408.690.515	193.017.824.919
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(32.272.388.134)</u>	<u>(30.484.181.622)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>219.136.302.381</u></b>	<b><u>162.533.643.297</u></b>

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang</i>	8.363.450.000	-
Trả trước cho nhà cung cấp		
<i>Công ty TNHH Ningxia Qiyan Pharmaceutical</i>	3.567.726.000	-
<i>Công ty TNHH Công nghệ Tiên tiến Việt Nam</i>	-	2.549.130.000
<i>Công ty TNHH Somapack</i>	-	1.632.812.500
<i>Các bên khác</i>	<u>3.279.916.997</u>	<u>3.340.516.386</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>15.211.092.997</u></b>	<b><u>7.522.458.886</u></b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	<u>(500.000.000)</u>	<u>(500.000.000)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>14.711.092.997</u></b>	<b><u>7.022.458.886</u></b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	30.984.181.622	34.424.607.638
<i>Cộng: Dự phòng trích lập trong năm</i>	10.090.350.160	8.034.864.641
<i>Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm</i>	<u>(8.302.143.648)</u>	<u>(11.475.290.657)</u>
Số cuối năm	<u>32.772.388.134</u>	<u>30.984.181.622</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.202.520.493</b>	<b>6.382.152.203</b>
Phải thu Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long ("Công ty Kim Long")	3.601.800.798	3.601.800.798
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	248.543.891	46.449.177
Tạm ứng nhân viên	231.687.206	258.587.670
Lãi tiền gửi phải thu	-	1.177.414.739
Khác	1.120.488.598	1.297.899.819
<b>Dài hạn</b>	<b>3.788.660.200</b>	<b>4.038.660.200</b>
Phải thu từ Công ty Kim Long theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (*)	3.636.096.600	3.636.096.600
Khác	152.563.600	402.563.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.991.180.693</b>	<b>10.420.812.403</b>
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(3.601.800.798)	(3.851.800.798)
Trong đó:		
Ngắn hạn	(3.601.800.798)	(3.601.800.798)
Dài hạn	-	(250.000.000)

(\*) Khoản phải thu này thể hiện giá trị căn nhà được TW25 - công ty con của Công ty, góp vào Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 24/HĐ/XN25 ("Hợp đồng số 24") ngày 24 tháng 2 năm 2005 với Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long để xây dựng Cao ốc Master tọa lạc tại số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, TW25 đang trong quá trình hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh này cho Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Kinh doanh An Phát (Thuyết minh số 16).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khác khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.851.800.798	5.150.320.281
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(250.000.000)	(1.298.519.483)
Số cuối năm	3.601.800.798	3.851.800.798

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. NỢ XẤU**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>47.467.567.521</b>	<b>(32.272.388.134)</b>	<b>40.217.400.869</b>	<b>(30.484.181.622)</b>
Công ty Kim Long	12.825.176.072	(12.825.176.072)	12.825.176.072	(12.825.176.072)
Khối điều trị	27.931.193.686	(13.549.957.695)	22.225.112.209	(12.675.491.021)
Nhà thuốc	365.065.266	(158.290.435)	128.387.332	(93.945.235)
Khác	6.346.132.497	(5.738.963.932)	5.038.725.256	(4.889.569.294)
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>500.000.000</b>	<b>(500.000.000)</b>	<b>500.000.000</b>	<b>(500.000.000)</b>
Khác	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>3.601.800.798</b>	<b>(3.601.800.798)</b>	<b>3.601.800.798</b>	<b>(3.601.800.798)</b>
Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long	3.601.800.798	(3.601.800.798)	3.601.800.798	(3.601.800.798)
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>250.000.000</b>	<b>(250.000.000)</b>
Khác	-	-	250.000.000	(250.000.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>51.569.368.319</b>	<b>(36.374.188.932)</b>	<b>44.569.201.667</b>	<b>(34.835.982.420)</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Bất động sản để bán (*)	160.622.501.912	-	160.622.501.912	-
Nguyên vật liệu	141.381.823.563	(7.632.139.162)	149.250.803.795	(8.520.566.987)
Thành phẩm	66.100.744.840	(8.819.204.111)	96.558.489.530	(39.786.337)
Hàng hóa	3.463.429.748	(198.698)	8.359.078.224	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.404.207.891	-	4.248.137.511	-
Công cụ, dụng cụ	68.832.901	-	72.046.810	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>375.041.540.855</b>	<b>(16.451.541.971)</b>	<b>419.111.057.782</b>	<b>(8.560.353.324)</b>

(\*) Đây là giá trị quyền sử dụng đất thuê tại số 120 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh của TW25, công ty con của Công ty. TW25 đang trong quá trình chờ chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh (Thuyết minh số 16).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.560.353.324	3.926.782.236
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	12.143.653.912	7.109.662.013
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(4.252.465.265)	(2.476.090.925)
Số cuối năm	<u>16.451.541.971</u>	<u>8.560.353.324</u>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.028.915.583</b>	<b>555.446.126</b>
Chi phí bản quyền SAP	877.814.473	-
Công cụ, dụng cụ	43.500.000	432.574.665
Khác	107.601.110	122.871.461
<b>Dài hạn</b>	<b>50.452.493.994</b>	<b>52.205.334.244</b>
Tiền thuê cơ sở hạ tầng (*)	50.186.494.000	51.806.415.322
Khác	265.999.994	398.918.922
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>51.481.409.577</u></b>	<b><u>52.760.780.370</u></b>

(\*) Tiền thuê cơ sở hạ tầng thể hiện chi phí thuê cơ sở hạ tầng trả trước phát sinh từ Hợp đồng Thuê đất số 109/HĐTD/SCD-2018 ngày 12 tháng 10 năm 2018 mà TW25, công ty con của Công ty, đã ký kết với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc ("SCD") để thuê lại cơ sở hạ tầng tại Lô B5-4, Khu B5, Đường D2, Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bơm, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 30.866 m<sup>2</sup> cho mục đích xây dựng nhà máy. Thời hạn thuê được tính từ khi hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng (ngày 10 tháng 1 năm 2019) đến hết ngày 16 tháng 12 năm 2054.

## Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	294.246.777.646	216.401.099.853	30.850.269.950	4.436.378.307	545.934.525.756
Mua trong năm	3.868.430.020	7.691.562.488	-	301.434.001	11.861.426.509
Số cuối năm	298.115.207.666	224.092.662.341	30.850.269.950	4.737.812.308	557.795.952.265
<b>Trong đó:</b>					
Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết	41.757.372.911	175.759.377.683	25.457.144.890	3.626.758.600	246.600.654.084
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	161.287.160.739	193.232.808.195	27.678.024.072	4.231.858.020	386.429.851.026
Khấu hao trong năm	13.865.221.909	7.065.688.536	807.957.338	192.948.532	21.931.816.315
Số cuối năm	175.152.382.648	200.298.496.731	28.485.981.410	4.424.806.552	408.361.667.341
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	132.959.616.907	23.168.291.658	3.172.245.878	204.520.287	159.504.674.730
Số cuối năm	122.962.825.018	23.794.165.610	2.364.288.540	313.005.756	149.434.284.924

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm và số cuối năm	<u>82.296.407.931</u>	<u>1.540.865.000</u>	<u>83.900.000</u>	<u>83.921.172.931</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Nguyên giá tài sản     đã hao mòn hết</i>	-	1.540.865.000	83.900.000	1.624.765.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	7.265.330.021	1.540.865.000	83.900.000	8.890.095.021
Hao mòn trong năm	<u>1.103.232.665</u>	-	-	<u>1.103.232.665</u>
Số cuối năm	<u>8.368.562.686</u>	<u>1.540.865.000</u>	<u>83.900.000</u>	<u>9.993.327.686</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	<u>75.031.077.910</u>	-	-	<u>75.031.077.910</u>
Số cuối năm	<u>73.927.845.245</u>	-	-	<u>73.927.845.245</u>

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà máy tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung	19.155.621.629	17.078.573.366
Hệ thống SAP ByDesign	2.397.230.000	-
Khác	85.762.970	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>21.638.614.599</b></u>	<u><b>17.078.573.366</b></u>

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh "TM" số 14.1)	12.700.291.803	12.518.308.291
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác ("TM số 14.2")	<u>11.685.000.000</u>	<u>11.685.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>24.385.291.803</b></u>	<u><b>24.203.308.291</b></u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**14.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty	Địa điểm	Hoạt động chính	Số đầu năm và số cuối năm		
			Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc đầu tư
			%	%	VND
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	Dược phẩm	40,00	40,00	<u>12.000.000.000</u>

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trình bày như sau:

VND  
Công ty Cổ phần  
Dược OPC Bắc Giang

**Giá trị đầu tư:**

Số đầu năm và số cuối năm 12.000.000.000

**Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:**

Số đầu năm	518.308.291
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	891.666.741
Lợi nhuận chưa thực hiện	(86.037.258)
Cổ tức được chia trong năm	<u>(623.645.971)</u>
Số cuối năm	<u>700.291.803</u>

**Giá trị còn lại:**

Số đầu năm	<u>12.518.308.291</u>
Số cuối năm	<u>12.700.291.803</u>

**14.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tên công ty	Số lượng cổ phiếu	Số cuối năm và số đầu năm	
		% sở hữu	Vốn đầu tư (VND)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	180.000	1,18	4.070.000.000
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	299.475	2,71	2.750.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dược	145.000	6,09	1.950.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Y tế Dược Thái Bình	15.750	2,87	1.665.000.000
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	50.000	3,59	<u>1.250.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>11.685.000.000</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả cho người bán</b>	<b>40.025.076.499</b>	<b>43.328.795.628</b>
<i>Công ty TNHH In Bao bì C.D</i>	<i>7.002.177.084</i>	<i>6.726.081.920</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại Vận tải và Xuất nhập khẩu Anh Duy</i>	<i>3.144.617.520</i>	<i>1.943.419.500</i>
<i>Công ty Cổ phần Đông Dược Hà Nội CQB</i>	<i>2.815.792.035</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Vcargo</i>	<i>2.389.326.060</i>	<i>2.942.840.340</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Duy</i>	<i>-</i>	<i>2.472.287.730</i>
<i>Các bên khác</i>	<i>24.673.163.800</i>	<i>29.244.166.138</i>
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>3.644.897.725</b>	<b>8.355.722.550</b>
<i>Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang</i>	<i>3.644.897.725</i>	<i>8.355.722.550</i>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>43.669.974.224</b>	<b>51.684.518.178</b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh (i)</i>	<i>178.082.838.961</i>	<i>178.082.838.961</i>
<i>Công ty Cổ phần Môi trường Công ích Miền Nam (ii)</i>	<i>26.250.000.000</i>	<i>26.250.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Anh Dũng</i>	<i>11.351.024.800</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Kinh doanh An Phát (iii)</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
<i>Khác</i>	<i>997.458.715</i>	<i>420.216.677</i>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>221.681.322.476</b>	<b>209.753.055.638</b>

- (i) Đây là khoản tiền nhận từ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh ("INDECO") theo Hợp đồng hợp tác, đầu tư và chuyển giao bất động sản số 58/TW25-INDECO ký ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa TW25, công ty con của Công ty, và INDECO để đầu tư xây dựng Cao ốc Văn Phòng tọa lạc tại số 120 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, vào ngày 11 tháng 9 năm 2018, TW25 và INDECO cũng đã ký kết hợp đồng thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (EPC) số 59/TW25-INDECO cho dự án xây dựng cao ốc văn phòng trên thửa đất này. Theo đó, mọi công việc, thủ tục, chi phí liên quan đến xây dựng và hoàn thành cao ốc sẽ do INDECO thực hiện và chịu mọi chi phí. Sau khi cao ốc văn phòng này được xây dựng xong và hoàn tất các thủ tục pháp lý, TW25 sẽ chuyển nhượng khu đất và cao ốc văn phòng cho INDECO. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, thủ tục chuyển nhượng này vẫn chưa hoàn tất.
- (ii) Đây là tiền nhận trả trước theo Hợp đồng Chuyển nhượng số 68/2017/HĐCN/SPEC/TW-25 ký ngày 2 tháng 11 năm 2017 giữa TW25 và Công ty Cổ phần Môi trường Công ích Miền Nam để chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê và quyền khai thác và phát triển dự án trên khu đất tọa lạc tại số 448B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị hợp đồng là 75.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, thủ tục chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (tiếp theo)**

(iii) Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng và quyền thuê đất số 18/2017/HĐCN/TW25-HLV ký ngày 31 tháng 3 năm 2017 giữa TW25 và Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt, TW25 sẽ chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng số 24 với Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long và quyền thuê khu đất tại số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt. Giá chuyển nhượng quyền khai thác đối với khu đất phát sinh từ Hợp đồng số 24 là 5.000.000.000 VND. Ngày 21 tháng 11 năm 2018, Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt đã chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng số 24 cho Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Kinh doanh An Phát thông qua Thỏa thuận Ký kết số 19/2018-BBTT và Hợp đồng Chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng và quyền thuê đất số 20/2018/HĐCN/TW25-AP. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, thủ tục chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất.

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.254.325.842	39.372.406.588	35.981.722.484	15.645.009.946
Thuế giá trị gia tăng	1.060.408.571	22.955.452.153	20.882.500.749	3.133.359.975
Thuế thu nhập cá nhân	773.972.647	19.545.712.534	18.281.351.027	2.038.334.154
Thuế tiêu thụ đặc biệt	354.227.222	142.805.631	413.534.908	83.497.945
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	15.045.661.054	15.045.661.054	-
Thuế nhập khẩu	-	36.977.998	36.977.998	-
Thuế khác	-	976.713.051	976.713.051	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.442.934.282</b>	<b>98.075.729.009</b>	<b>91.618.461.271</b>	<b>20.900.202.020</b>

Công ty mẹ trong Nhóm Công ty đã được Tổng cục thuế thanh tra thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2022.

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hỗ trợ marketing	7.038.849.536	2.554.819.400
Chi phí khuyến mãi	5.324.455.500	-
Chi phí tổ chức hội nghị	4.587.790.175	1.534.601.589
Chi phí hoa hồng bán hàng	200.376.434	384.380.401
Chi phí thuê đất	-	1.332.346.756
Chi phí nhượng quyền	-	998.467.804
Khác	4.390.858.452	5.218.572.888
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.542.330.097</b>	<b>12.023.188.838</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc, ký quỹ thực hiện đấu thầu	1.038.606.752	436.383.900
Cổ tức	853.908.934	604.351.934
Kinh phí công đoàn	571.819.679	535.303.723
Khác	662.299.990	286.410.341
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.126.635.355</u></b>	<b><u>1.862.449.898</u></b>

**20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.060.916.019	19.633.557.109
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh số 22.1)	14.010.223.000	13.439.115.000
Sử dụng quỹ	<u>(18.744.576.719)</u>	<u>(25.011.756.090)</u>
Số cuối năm	<u>3.326.562.300</u>	<u>8.060.916.019</u>

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trợ cấp thôi việc	<u>4.742.192.250</u>	<u>5.115.717.958</u>



## Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 22.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	VND
<b>Năm trước:</b>						
Số đầu năm	265.772.800.000	16.680.700.783	229.436.579.749	169.268.069.388	61.865.227.904	743.023.377.824
Tăng vốn trong năm	374.736.120.000	(15.800.000.000)	(223.000.000.000)	(135.936.120.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	142.127.926.500	266.224.639	142.394.151.139
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	20.158.672.000	(20.158.672.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(13.439.115.000)	-	(13.439.115.000)
Khác	-	-	-	(14.134.714)	-	(14.134.714)
Số cuối năm	640.508.920.000	880.700.783	26.595.251.749	141.847.954.174	62.131.452.543	871.964.279.249
<b>Năm nay:</b>						
Số đầu năm	640.508.920.000	880.700.783	26.595.251.749	141.847.954.174	62.131.452.543	871.964.279.249
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	122.234.074.221	84.735.071	122.318.809.292
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	21.015.335.000	(21.015.335.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(14.010.223.000)	-	(14.010.223.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	(96.076.338.000)	-	(96.076.338.000)
Khác	-	-	-	(32.823.472)	-	(32.823.472)
Số cuối năm	640.508.920.000	880.700.783	47.610.586.749	132.947.308.923	62.216.187.614	884.163.704.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	640.508.920.000	265.772.800.000
Vốn góp tăng trong năm	-	374.736.120.000
Số cuối năm	<u>640.508.920.000</u>	<u>640.508.920.000</u>
<b>Cổ tức đã chia</b>		
Cổ tức đã công bố (i)	96.076.338.000	135.936.120.000
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	135.936.120.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	95.826.781.000	26.582.090.305

(i) Trong năm, Nhóm Công ty đã công bố và chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền tại mức 15% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông phù hợp với phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 349/NQ ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023.

**22.3 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	64.050.892	64.050.892
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	64.050.892	64.050.892
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>64.050.892</i>	<i>64.050.892</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	64.050.892	64.050.892
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>64.050.892</i>	<i>64.050.892</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

**22.4 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	sở hữu %	VND	sở hữu %
Ông Trịnh Xuân Vương	87.241.970.000	13,62	87.241.970.000	13,62
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	85.859.860.000	13,40	85.859.860.000	13,40
Công ty Cổ phần Pacific Partners	82.356.420.000	12,86	82.356.420.000	12,86
Quỹ đầu tư cơ hội PVI	-	-	111.342.000.000	17,38
Các cổ đông khác	385.050.670.000	60,12	273.708.670.000	42,73
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>640.508.920.000</u></b>	<b><u>100,00</u></b>	<b><u>640.508.920.000</u></b>	<b><u>100,00</u></b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**22.4 Lãi trên cổ phiếu**

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	122.234.074.222	142.127.926.500
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	<u>(17.543.375.222)</u>	<u>(14.010.223.124)</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	104.690.699.000	128.117.703.376
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	64.050.892	64.050.892
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.634	2.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.634	2.000

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất năm để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2022 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 349/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại mức 15% từ lợi nhuận của năm 2023 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 349/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023.

Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.008.957.297.999</b>	<b>1.194.003.443.459</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	999.561.621.691	1.172.507.379.928
Doanh thu bán nguyên vật liệu	7.841.763.909	19.508.271.368
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.553.912.399	1.987.792.163
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	<u>(4.070.318.968)</u>	<u>(22.389.335.611)</u>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.004.886.979.031</u></b>	<b><u>1.171.614.107.848</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. DOANH THU** (tiếp theo)

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ đầu tư trái phiếu	8.401.835.352	-
Lãi tiền gửi	6.359.447.864	6.584.161.816
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.092.660.000	1.229.233.027
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	728.446.632	443.466.775
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.582.389.848</u></b>	<b><u>8.256.861.618</u></b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa đã bán	511.354.394.408	613.379.873.467
Giá vốn hàng khuyến mãi	51.342.758.780	48.857.655.216
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.038.058.555	3.343.202.180
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	5.913.499.353	20.069.826.014
Giá vốn dịch vụ	1.149.588.336	1.112.769.784
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>577.798.299.432</u></b>	<b><u>686.763.326.661</u></b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	6.970.823.567	7.032.918.223
Chi phí lãi vay	334.548.651	925.196.934
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	173.033.095	164.100.965
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.478.405.313</u></b>	<b><u>8.122.216.122</u></b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>180.931.525.210</b>	<b>208.686.417.627</b>
Chi phí nhân viên	102.195.182.820	136.061.561.712
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo, tiếp thị	20.764.627.320	17.722.284.398
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.205.579.657	5.431.467.167
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.557.303.792	6.444.846.476
Chi phí khác	43.208.831.621	43.026.257.874
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>100.036.807.156</b>	<b>97.528.654.545</b>
Chi phí nhân viên	57.352.751.410	57.008.623.721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.696.675.090	16.187.396.055
Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	1.313.964.244	1.114.275.894
Chi phí khác	23.673.416.412	23.218.358.875
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>280.968.332.366</u></b>	<b><u>306.215.072.172</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	275.768.054.429	399.783.507.969
Chi phí nhân viên	228.281.862.875	280.276.948.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.912.090.835	43.008.417.155
Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	22.894.785.944	22.818.667.371
Chi phí khác	55.246.006.612	66.127.416.903
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>645.102.800.695</u></b>	<b><u>812.014.957.941</u></b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi bởi quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	38.357.016.495	37.366.310.698
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu trong những năm trước	<u>1.015.390.093</u>	<u>13.709.486</u>
	39.372.406.588	37.380.020.184
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>(6.367.943.427)</u>	<u>149.782.089</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>33.004.463.161</u></b>	<b><u>37.529.802.273</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>155.323.272.453</u></b>	<b><u>179.923.953.412</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	31.064.654.491	35.984.790.682
<i>Điều chỉnh thuế do:</i>		
Chi phí không được trừ	2.246.109.737	3.217.020.668
Lỗi kỳ trước chuyển sang	(935.468.569)	(982.907.163)
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu trong các năm trước	1.015.390.093	13.709.486
Thu nhập cổ tức không chịu thuế TNDN	(218.532.000)	(207.495.000)
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	(167.690.591)	(159.547.200)
Khác	-	(335.769.200)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>33.004.463.161</u></b>	<b><u>37.529.802.273</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**28.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<u>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí trích trước	3.771.878.610	893.682.098	2.878.196.512	713.682.098
Dự phòng hàng tồn kho	2.345.661.438	-	2.345.661.438	-
Trợ cấp thôi việc	948.438.450	1.023.143.592	(74.705.142)	4.785.317
Lợi nhuận chưa thực hiện	938.227.093	568.374.172	369.852.921	435.708.898
Doanh thu chưa thực hiện	652.480.032	-	652.480.032	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	105.497.925	670.174.155	(564.676.230)	(1.304.102.777)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(108.337)	78.549	(186.886)	144.375
Khác	761.320.782	-	761.320.782	-
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b><u>9.523.395.993</u></b>	<b><u>3.155.452.566</u></b>		
<b>Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại</b>			<b><u>6.367.943.427</u></b>	<b><u>(149.782.089)</u></b>

**28.4. Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước**

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó (phát sinh tại TW 25, công ty con của Công ty). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 5.568.875.213 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 12.739.987.362 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2023	Giảm trừ lỗ tính thuế theo BB thanh tra thuế (*)	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2023
2019	2024	2.732.196.644	(2.732.196.644)	-	-
2020	2025	4.985.629.762	(2.359.146.201)	(845.650.115)	1.780.833.446
2021	2026	5.022.160.956	-	(1.234.119.189)	3.788.041.767
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>12.739.987.362</u></b>	<b><u>(5.091.342.845)</u></b>	<b><u>(2.079.769.304)</u></b>	<b><u>5.568.875.213</u></b>

(\*) Lỗ thuế tại TW25, Công ty con của Nhóm Công ty, được điều chỉnh theo Quyết định số 549/QĐ-CT ngày 29 tháng 3 năm 2023 được ban hành bởi Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang (“OPC Bắc Giang”)	Công ty liên kết

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
			<i>VND</i>
OPC Bắc Giang	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	65.259.284.300	36.311.381.500
	Cổ tức được chia	623.645.971	268.559.563

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
			<i>VND</i>
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i></b>			
OPC Bắc Giang	Mua nguyên vật liệu	<u>8.363.450.000</u>	<u>-</u>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>			
OPC Bắc Giang	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	<u>3.644.897.725</u>	<u>8.355.722.550</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác như sau:

			VND	
	Chức vụ	Năm nay	Năm trước	
<b>Hội đồng Quản trị</b>		<b>2.676.111.099</b>	<b>2.724.999.985</b>	
Ông Hoàng Lê Sơn	Chủ tịch (từ ngày 27 tháng 4 năm 2023)	493.333.332	-	
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch (đến ngày 27 tháng 4 năm 2023)	371.444.443	804.777.775	
Bà Phương Thanh Nhung	Phó Chủ tịch	444.777.775	415.333.330	
Ông Trịnh Xuân Vương	Thành viên	730.333.331	674.777.775	
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên	444.777.775	415.333.330	
Ông Nguyễn Hải Dương	Thành viên (đến ngày 27 tháng 4 năm 2023)	191.444.443	414.777.775	
<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>1.284.509.241</b>	<b>1.063.001.934</b>	
Bà Kiều Thị Minh Hồng	Trưởng ban	234.777.775	220.333.330	
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên (đến ngày 27 tháng 4 năm 2023)	41.444.443	89.777.775	
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên	954.953.691	752.890.829	
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên (từ 27 tháng 4 năm 2023)	53.333.332	-	
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>8.674.193.265</b>	<b>6.928.828.203</b>	
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Tổng Giám đốc	4.337.033.433	3.966.845.555	
Bà Lê Thị Thúy Anh	Phó Tổng Giám đốc	1.430.569.898	1.554.545.098	
Ông Hà Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	1.200.631.934	1.299.387.550	
Ông Dương Minh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 8 tháng 12 năm 2023)	1.705.958.000	108.050.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>12.634.813.605</b>	<b>10.716.830.122</b>	

**30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm		3.331.768.152	696.737.891
Từ 2 năm đến 5 năm		1.423.315.200	1.303.315.200
Trên 5 năm		5.702.004.000	5.864.918.400
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>10.457.087.352</b>	<b>7.864.971.491</b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày


**31. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**


	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	203.009	1.773
Hàng hóa giữ hộ (VND)	3.806.603.908	-

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

  
\_\_\_\_\_  
Vũ Thị Tuyết Dung  
Người lập

  
\_\_\_\_\_  
Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
Phạm Thị Xuân Hương  
Tổng Giám đốc



Ngày 21 tháng 3 năm 2024

